TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13-8-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga.

2. Ông Huỳnh Tấn Khoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 394/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm: 1989. (Có mặt)

Bị đơn: anh Phạm Văn M, sinh năm: 1989. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số 24, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: chị và anh M quen biết, mai mối và kết hôn vào năm 2009, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống, anh M thường xuyên ghen tuông, không tôn trọng chị T đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh M ghen tuông vô cớ, không chăm lo cho vợ con, vợ chồng thường xuyên cự cãi, tính tình không phù hợp, không thể hàn gắn vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng 06 tháng nay. Nhận thấy tình cảm không còn, nay chị yêu cầu ly hôn với anh M.

- Về quan hệ con chung: có 01 con chung tên Phạm Nhật H, sinh ngày 11/01/2011 hiện đang sống chung với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: chị T xác định không có tài sản chung.

- Về quan hệ nợ chung: chị T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh M vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của anh M về nội dung đơn khởi kiện của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn: thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn: từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử là phù hợp Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T đối với anh Phạm Văn M. Chị Nguyễn Thị Bích T được nuôi con chung tên Phạm Nhật H, sinh ngày 11/01/2011, anh Phạm Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị Bích T yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn M. Anh M có nơi cư trú tại số 24, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Phạm Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Bích T và anh Phạm Văn M xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do tính tình không phù hợp, anh M ghen tuông, không chăm lo cho gia đình, mâu thuẫn kéo dài và vợ chồng không còn tình

cảm và không còn chung sống với nhau khoảng 06 tháng nay, anh M không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị T xác định mâu thuẫn giữa anh, chị là nghiêm trọng, nếu tiếp tục chung sống với anh M thì không còn hạnh phúc.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh M cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị T cũng như không tham gia các phiên hòa giải, nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Tại biên bản xác minh ngày 05/6/2019 có nội dung "trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn hay cự cãi do chồng hay ghen". Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh M là trầm trọng, không thể tiếp tục, cả hai không muốn hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Nhật H, sinh ngày 11/01/2011 hiện đang sống chung với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trong thời gian cháu H sống với chị T, cháu được chăm sóc, giáo dục tốt, ổn định về chỗ ở, tâm tư, tình cảm của cháu gắn liền với mẹ, tại biên bản ghi ý kiến ngày 28/5/2019 cháu H cũng có nguyện vọng được sống với mẹ, anh M cũng không có ý kiến đối với quyền nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của chị T trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Các Điều 28, 35, 144, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Phạm Văn M. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 91/2012 quyển số 02/2011 ngày 12/5/2012 do UBND xã L, huyện C, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị Bích T được nuôi dưỡng con chung tên Phạm Nhật H, sinh ngày 11/01/2011. Anh Phạm Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: ghi nhận chị Nguyễn Thị Bích T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Nguyễn Thị Bích T và anh Phạm Văn M vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0012960 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Chị T đã nộp xong.

Chị Nguyễn Thị Bích T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Anh Phạm Văn M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã L, huyện C, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Diệu Tiên